

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HS-ST
Ngày 20-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Xuân Tím

Bà Nguyễn Thị Quy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Lưu Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Đồng Văn L, sinh năm 1993; nơi đăng ký thường trú, nơi ở: Thôn B, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Văn T và bà Phạm Thị L; có vợ là Vũ Thị Thủy N và hai con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án: Tại bản án số: 138/2015/HSST ngày 21/10/2015, TAND quận Lê Chân, TP. Hải Phòng xử phạt bị cáo L 27 tháng tù, về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, ngày 21/04/2017, L chấp hành xong án phạt tù; tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 15/12/2017 đến nay, có mặt.

- Bị hại: Chị Trần Thị Hồng N, sinh năm 1995 và anh Nguyễn Văn T (là chồng chị N), sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải

Dương. Anh T ủy quyền cho chị N làm đại diện, theo Giấy ủy quyền lập ngày 23/9/2017; đều vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Đồng Văn B, sinh năm 1991;

2. Anh Đồng Văn D, sinh năm 1988;

Đều có nơi cư trú: Thôn B, xã L, huyện K, tỉnh Hải Dương; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 9 giờ 15 phút, ngày 22/9/2017, trong lúc ngồi chơi điện tử tại quán Internet H ở thị tứ Đ, xã Đ, huyện K, Đồng Văn L đã nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu sài cá nhân. L hỏi anh Đồng Văn H, sinh năm 1985 ở cùng thôn (*là bạn của L đang cùng chơi điện tử ở quán*), “anh cho em mượn xe và mũ lưỡi chai của anh, em ra đây một tí”. Anh H đồng ý, đưa mũ lưỡi chai và chìa khóa xe mô tô cho L mượn. L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream (*hiện chưa rõ biển số, do L không nhớ biển số xe và chưa làm việc được với anh H*) đi trên đường Quốc lộ 17B hướng về xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương xem ai có tài sản để sơ hở thì trộm cắp.

Khoảng 10 giờ cùng ngày, khi L điều khiển xe đi đến cửa hàng mua bán, sửa chữa xe mô tô T, thuộc địa phận thôn P, xã B, huyện K, thấy chị Trần Thị Hồng N (*là chủ quán*) đi bộ sang cửa hàng mua bán quần áo cách đó khoảng 10m. Quan sát trong cửa hàng T không có người trông coi, L dựng xe mô tô trước cửa quán và đi bộ vào trong lấy chiếc điện thoại di động Iphone 6 plus màu đen, ốp lưng màu đỏ, bản 16Gb của chị N đang sạc pin ở đầu giường. L giấu chiếc điện thoại ở trong thắt lưng đi ra và điều khiển xe mô tô về quán Internet H gặp H, L đưa điện thoại cho H xem và nói dối H là vừa nhặt được. Do điện thoại có khóa mật khẩu nên L bảo H chờ đến quán sửa chữa điện thoại ở xã K, huyện K chạy lại phần mềm của máy để phá mật khẩu nhưng không được. Sau đó, L đến quán mua bán, sửa chữa điện thoại của anh Đồng Văn B, sinh năm 1991 ở cùng thôn với L cầm cầm chiếc điện thoại di động trên với giá 700.000 đồng. Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, L đến nhà anh Đồng Văn D (*tên gọi khác là K*) nhờ anh D đến quán điện thoại của anh B lấy chiếc điện thoại di động trước đó L đã cầm cầm. Anh D đồng ý và lấy điện thoại di động đưa cho L tại thị tứ Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Tại đây, L vào quán Internet H thử chạy lại phần mềm nhưng không được nên L đưa chiếc điện thoại di động cho anh D để trả lại anh B. Khi anh D đưa điện thoại di động cho anh B thì L đến và bảo bán chiếc điện thoại, anh B đồng ý mua với giá 1.400.000 đồng

(anh B đưa thêm cho L 700.000 đồng). Số tiền này, L đã tiêu sài cá nhân hết. Sau khi phát hiện bị mất điện thoại, Chị N đã trình báo Công an huyện Kim Thành. Ngày 23/9/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành đã quản lý, thu giữ chiếc điện thoại Iphone 6 Plus, màu đen nêu trên do anh Đồng Văn B giao nộp.

Tại kết luận định giá số: 54 ngày 13/11/2017 và số: 84 ngày 30/12/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương kết luận: Chiếc điện thoại di động Iphone 6 Plus màu đen, bản 16 Gb có giá trị là: 9.993.000 đồng; chiếc ốp lưng màu đỏ có giá trị là 67.000 đồng

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo L khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo Đồng Văn L phạm tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng: Khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử phạt bị cáo Đồng Văn L từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 29/11/2017. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đồng Văn L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo L khai nhận hành vi phạm tội của mình và đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Đồng Văn L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ được và phù hợp với các tài liệu khác có tại hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ ngày 22/9/2017, tại quán sửa chữa xe máy T, thuộc địa phận thôn P, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương lợi dụng gia đình chị Trần Thị Hồng N sơ hở trong việc trông coi tài sản. Đồng Văn L đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 Plus, màu đen, bản 16Gb trị giá 9.993.000 đồng và 01 chiếc ốp lưng điện thoại bằng nhựa màu đỏ

trị giá 67.000 đồng của gia đình chị Trần Thị Hồng N. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 10.060.000 đồng. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Đồng Văn L phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (*nay là khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015*). So sánh hình phạt giữa Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 với Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xác định hình phạt quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 nhẹ hơn hình phạt quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 nên truy tố bị cáo về tội phạm trên theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định bổ sung một số tình tiết định tội tại các điểm a, c, d, đ so với khoản 1 Điều 138 của bộ luật Hình sự năm 1999. Như vậy, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 không có lợi cho người phạm tội so với quy định tại khoản 1 Điều 138 của bộ luật Hình sự năm 1999. Căn cứ khoản 1 và 2 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 và điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tòa án xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý lo sợ mất tài sản trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của người khác, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản để lấy tiền ăn tiêu. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra quản lý một chiếc điện thoại di động Iphone 6 Plus, bản 16 Gb có số Imei 355384072311342, là tài sản của chị Trần Thị Hồng N. Ngày 12/12/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kim Thành đã trả lại chiếc điện thoại trên cho chị Trần Thị Hồng N. Sau khi trộm cắp, bị cáo vứt chiếc ốp lưng điện

thoại tại quán Internet H, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được, ngoài ra bị cáo L chạy lại phần mềm của máy để phá mật khẩu nhưng không được, đã làm máy không hoạt động bình thường. Bị cáo L đã tự nguyện bồi thường cho chị Trần Thị Hồng N số tiền 10.000.000 đồng. Chị N không yêu cầu, đề nghị bồi thường gì thêm nên Tòa án không phải giải quyết.

[6] Đối với số tiền 1.400.000 đồng, anh B mua điện thoại của L, anh B không yêu cầu L phải hoàn trả nên Tòa án không xét.

[7] Trong vụ án này, anh Đồng Văn D và Đồng Văn B khi cầm và mua điện thoại của bị cáo L, không biết nguồn gốc do phạm tội mà có. Cơ quan cảnh sát điều tra không đặt ra việc xử lý là phù hợp. Đối với anh Đồng Văn H là người cho L mượn xe mô tô và chở L đi chạy lại phần mềm để phá mật khẩu điện thoại. Cơ quan điều tra chưa làm việc được với anh H, không quản lý được chiếc xe mô tô này nên không có căn cứ để xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh và xem xét xử lý sau.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết luận phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138, điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Đồng Văn L phạm tội Trộm cắp tài sản.
2. Xử phạt bị cáo Đồng Văn L 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 15/12/2017.
3. Về án phí: Bị cáo Đồng Văn L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ tuyên án sơ thẩm; đối với người vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương;

- Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện

Kim Thành, tỉnh Hải Dương;

- Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;

- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;

- Lưu: Hồ sơ vụ án, hồ sơ thi hành án hình sự, văn phòng.

Nguyễn Văn Sơn